Mẫu số 52 (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **22/**2017/DS-ST
Ngày: 27- 7- 2017
"*V/v tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông **Trần Văn Tới**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Dương Văn Nghĩa**

2. Ông **Phạm Hồ Quốc Tuấn**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông **Cao Vũ Linh**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 27 tháng 7 năm 2017, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2017/TLST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2017 tranh chấp "Hợp đồng dân sự góp hụi", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2017/QĐXXST- DS ngày 30 tháng 6 năm 2017, thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 06/2017/TB-TĐTGMPT ngày 11/7/2017, thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 08/2017/TB-TĐTGMPT ngày 12/7/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Liên, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Thạnh Phong, xã Đông Thạnh, huyện An Minh - Kiên Giang.

2. Đồng bị đơn: - Bà Huỳnh Thị Nga, sinh năm 1970 (có mặt)

- Ông Nguyễn Văn Tuấn, sinh năm 1968 (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Thạnh Phong, xã Đông Thạnh, huyện An Minh - KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 21/02/2017 và biên bản hòa giải ngày 11/5/2017 nguyên đơn bà Đặng Thị Liên trình bày và yêu cầu như sau:**

Ngày 15.10.2012 al tôi và vợ chồng bà Nga, ông Tuấn cộng sổ nợ hụi, ông Tuấn, bà Nga thừa nhận còn nợ tôi 83.000.000 đồng, bà Nga có trả cho tôi 10.000.000 đồng, tính đến ngày 15.02.2013 âl còn 73.000.000 đồng. Sau đó vợ chồng ông Tuấn, bà Nga có trả cho tôi 07 lần, mỗi lần 1.000.000 đồng bằng 7.000.000 đồng, còn nợ lại 66.000.000 đồng đến nay chưa trả.

Nay tôi yêu cầu vợ chồng bà Nga, ông Tuấn trả cho tôi 66.000.000 đồng, trả dần hàng tháng, mỗi tháng 5.000.000đ, bắt đầu (lần đầu) ngày 11.6.2017 cho đến khi hết nợ 66.000.000 đồng, ngoài ra tôi không yêu cầu gì thêm.

*** Tại biên bản hòa giải ngày 11/5/2017 bị đơn bà Huỳnh Thị Nga trình bày như sau:**

Nội dung bà Liên trình bày ở phía trên là đúng. Tính đến ngày hôm nay vợ chồng tôi còn nợ bà Liên tổng cộng là 66.000.000 đồng. Trong 66.000.000 đồng này có một phần tiền lãi nhưng tôi không biết là bao nhiêu, vì sổ sách bà Liên giữ.

Theo yêu cầu của bà Liên tôi có ý kiến như sau:

Tôi xin bà Liên giảm cho tôi 33.000.000 đồng, còn lại tôi đồng ý trả lại cho bà Liên 33.000.000đ, xin trả dần mỗi tháng trả 500.000 đồng, bắt đầu (lần đầu) trả vào ngày 30/5/2017 cho đến khi hết nợ 33.000.000 đồng.

*** Tại biên bản hòa giải ngày 11/5/2017 bị đơn ông Nguyễn Văn Tuấn trình bày như sau:**

Tôi thống nhất theo lời trình bày của vợ tôi (Nga), tính đến ngày hôm nay vợ chồng tôi còn nợ bà Liên tổng cộng là 66.000.000 đồng. Trong 66.000.000 đồng này có một phần tiền lãi nhưng tôi không biết là bao nhiêu, vì sổ sách bà Liên giữ.

Theo yêu cầu của bà Liên tôi có ý kiến như sau:

Tôi xin bà Liên giảm cho tôi 33.000.000 đồng, còn lại tôi đồng ý trả cho bà Liên 33.000.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng trả 500.000 đồng, bắt đầu (lần đầu) trả vào ngày 30/5/2017 cho đến khi hết nợ 33.000.000 đồng.

**** Tại phiên tòa*:** Nguyên đơn và bị đơn bà Huỳnh Thị Nga vẫn giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu như trên, không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Đồng bị đơn ông Nguyễn Văn Tuấn thừa nhận và đồng ý trả cho bà Liên 66.000.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng vào ngày 30 âl hàng tháng cho đến khi hết nợ 66.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Trên cơ sở chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa giữa nguyên đơn bà Đặng Thị Liên và bị đơn bà Huỳnh Thị Nga, ông Nguyễn Văn Tuấn cùng thống nhất xác định và thừa nhận ngày 15/10/2012 âl ông Tuấn, bà Nga còn nợ bà Liên 83.000.000 đồng tiền hụi. Sau đó bà Nga, ông Tuấn có trả cho bà Liên 17.000.000 đồng, hiện nay còn nợ 66.000.000 đồng chưa trả. Đồng bị đơn ông Tuấn, bà Nga cho rằng: Trong 66.000.000 đồng nói trên có một phần tiền hụi và một phần tiền lãi nhưng không biết tiền hụi, tiền lãi mỗi thứ là bao nhiêu và cũng không có chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ, còn phía nguyên đơn bà Liên cho rằng: số nợ 66.000.000 đồng nói trên là tiền hụi và tại biên bản hòa giải ngày 18/4/2016 của ấp Thạnh Phong giữa bà Liên và bà Nga, ông Tuấn cũng thừa nhận đây là tiền hụi, nên được xác định mối quan hệ pháp luật tranh chấp là hợp đồng dân sự góp hụi.

[2] Về nội dung tranh chấp

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Liên yêu cầu đồng bị đơn ông Tuấn, bà Nga trả 66.000.000 đồng tiền hụi, cho trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi đủ số tiền 66.000.000 đồng. Bị đơn ông Tuấn thừa nhận và đồng ý trả cho bà Liên 66.000.000 đồng, nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Còn đồng bị đơn bà Nga cho rằng, trong 66.000.000 đồng là có một phần tiền lãi, đồng thời xin bà Liên giảm cho 33.000.000 đồng, phía nguyên đơn bà Liên không thừa nhận tiền lãi và không đồng ý giảm cho bà Nga. Bà Nga không có chứng cứ gì để chứng minh, bảo vệ cho lời trình bày của mình. Đối chiếu lời khai của bà Nga tại phiên tòa với lời khai trong biên bản hòa giải ngày 18/4/2016 của ấp Thạnh Phong là có mâu thuẫn với nhau. Tại ấp Thạnh Phong bị đơn bà Nga, ông Tuấn thừa nhận còn nợ bà Liên 73.000.000 đồng, sau đó bà Nga ông Tuấn trả được 7.000.000 đồng, còn lại 66.000.000 đồng. Hội đồng xét xử cho rằng: lời trình bày của bà Nga tại phiên tòa là không trung thực, không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về phương thức và thời gian trả nợ:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 66.000.000 đồng tiền hụi, cho trả dần mỗi tháng trả 5.000.000 đồng đến khi đủ số tiền 66.000.000 đồng. Bị đơn ông Tuấn

xin trả dần mỗi tháng trả 500.000 đồng cho đến khi hết 66.000.000 đồng, bà Nga xin trả dần mỗi tháng trả 500.000 đồng cho đến khi hết 33.000.000 đồng. Do hai bên không thống nhất được với nhau về thời gian và phương thức trả nợ nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để ghi nhận mà áp dụng vào Điều 401, 479 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 6, khoản 2 Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường. Buộc bị đơn vợ chồng ông Tuấn, bà Nga trả nợ cho nguyên đơn bà Liên 66.000.000 đồng tiền hụi theo quy định của pháp luật.

[3]Về án phí: Vợ chồng ông Tuấn, bà Nga bị buộc trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.300.000đ (66.000.000đ x 5%); bà Đặng Thị Liên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Đặng Thị Liên số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 401, 479 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 6, khoản 2 Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường.

Tuyên xử:

- Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Tuấn, bà Huỳnh Thị Nga trả cho bà Đặng Thị Liên 66.000.000 đồng (sáu mươi sáu triệu đồng) tiền hụi.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 nghi quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Tuấn, bà Huỳnh Thị Nga phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.300.000đ *(bà triệu ba trăm nghìn đồng)*.

Bà Đặng Thị Liên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.650.000đ *(một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng)* theo biên lai thu số: 0000275 ngày 05/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh.

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải

thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

- Báo quyền kháng: Nguyên đơn bà Đặng Thị Liên, bị đơn ông Nguyễn Văn Tuấn, bà Huỳnh Thị Nga có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27-7-2017).

- Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh KG;*
- *VKSND huyện AM*
- *Chi cục THA;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: HSVA, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Trần Văn Tới